

Bản án số: 129/2022/DS-PT

Ngày: 27 - 7 - 2022

V/v tranh chấp yêu cầu  
tuyên bố hợp đồng thế chấp  
vô hiệu, hợp đồng vay tài  
sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Hải.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu; hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 228/2021/DSST ngày 12/11/2021 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐ-PT ngày 14/3/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 527/TB-TA ngày 10/5/2022.

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967, nơi cư trú: Số 1024, tổ 11, ấp P T, xã P H, huyện A P, tỉnh A G; nơi ở hiện nay: Ấp P H, xã P H, huyện A P, tỉnh A G.

*Đại diện ủy quyền của ông L:*

1. Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấ A H, t t A P, huyện A P, tỉnh A G.

2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P T, xã P H, huyện A P, tỉnh A G; nơi ở hiện nay: Ấp V T, xã V T, huyện A P, tỉnh A G.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018)

- *Bị đơn*: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V N (BIDV)

Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, H K, H N. Người đại diện là ông Phan Đức T - Tổng giám đốc BIDV;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1971 - Phó giám đốc BIDV B A G, địa chỉ: Tổ 14, Quang Trung, phường C P B, thành phố C Đ, tỉnh A G.

*Người đại diện ủy quyền của ông T*: Ông Võ Thành Đ; ông Lê Chí T (có mặt);

Theo văn bản ủy quyền số 1291/GUQ-BIDV.BAG ngày 24/11/2021 (Viết tắt Ngân hàng BIDV); địa chỉ: Tổ 14, Quang Trung, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân xã Phú H (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P H, xã P H, huyện A P, tỉnh A G;

2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1995 (vắng mặt);

4. Ông Võ Chí H, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp V T, xã V T, huyện A P, tỉnh A G.

5. Ông Phạm Trần Quốc Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P H, xã P H, huyện A P, tỉnh A G.

6. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: UBND xã P H, huyện A P, tỉnh A G.

7. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: UBND xã P H, huyện A P, tỉnh A G.

8. Văn Phòng đăng ký đất đai Chi nhánh A P (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Thoại Ngọc H, thị trấn A P, huyện A P tỉnh A G;

9. Văn Phòng Công chứng Lâm Ngọc H nay là (Văn phòng công chứng Võ Duy T) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 39, Q T, Phường C P B, thành phố C Đ, tỉnh A G;

10. Ông Cao Xuân Đ, sinh năm 1973 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp P H, xã P H, huyện A P, tỉnh A G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

*Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Hùng T, trình bày:* Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 vô hiệu, với lý do hợp đồng thế chấp không có ông L là chồng bà M cùng ký tên thế chấp tài sản, giữa ông L và bà M là hôn nhân thực tế trước ngày 03/01/1987. Đối với hợp đồng số 01/2016/9298566/HĐBĐ ngày 29/12/2016 số: 01/2017/9298566/SĐBS với bên thứ ba là ông Võ Chí H không có yêu cầu.

*Đại diện cho bị đơn Ngân hàng BIDV trình bày:* Bà M ký hợp đồng thế chấp tài sản vào ngày 08/11/2016. Việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa hai bên được thực hiện bằng văn bản, phía Ngân hàng cho vay 2.050.000.000 đồng vốn, thời hạn 12 tháng. Lãi suất được tính 8,25%/năm.

Thế chấp của bên vay (bà M) là 06 giấy chứng nhận QSD đất số 01/2016 gồm: Giấy thứ nhất 7.019 m<sup>2</sup>, giấy thứ hai diện tích 16.057 m<sup>2</sup>, giấy thứ ba diện tích 11.479 m<sup>2</sup>, giấy thứ tư diện tích 5493 m<sup>2</sup>, giấy thứ năm diện tích 5821m<sup>2</sup>, giấy thứ sáu 458,1 m<sup>2</sup>. Ngân hàng cho vay với tinh thần tự nguyện và ngay tình do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng tên của bà M và có xác nhận độc thân cho bà M của UBND xã P H, do vậy Ngân hàng cho vay là đúng quy định, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng vô hiệu là không căn cứ. Ngân hàng khởi kiện hợp đồng tín dụng đối với phía hàng thừa kế của bà M là Nguyễn Thị Diễm T, Nguyễn Thị Diễm T và bên thế chấp thứ ba là ông Võ Chí H theo quy định pháp luật, tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xác định không khởi kiện ông Long chỉ khởi kiện bà T và bà T là con của bà M.

Về phía UBND xã Phú Hữu xác nhận tình trạng hôn nhân sai quy định là do UBND xã tự chịu trách nhiệm, phía Ngân hàng chỉ làm đúng theo thủ tục cho vay dựa trên xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã Phú Hữu, do đó nếu có thiệt hại thì đề nghị Tòa án xem xét thiệt hại của các bên để xử lý cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ khởi kiện các thừa kế của bà M là bà T, bà T phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng với số tiền vốn tính đến ngày 09/11/2021 là 2.050.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 628.638.699 đồng và tiền lãi quá hạn 231.493.870 đồng tổng cộng là 2.910.132.569 đồng (hai tỷ chín trăm mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi chín nghìn).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

*Bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:* Vào ngày 05/5/2016 bà M đến UBND xã Phú Hữu liên hệ gặp bà để xin làm giấy xác nhận độc thân, bà có trao đổi với bà M về tình trạng hôn nhân của bà M là chưa đủ điều kiện, bà cũng trả lời là sẽ xác minh lại, lúc này bà M cũng nói là đã có chồng và chồng hiện giờ đang trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự, bà cũng trao đổi thêm về trường hợp của bà M là phải đến tòa giải quyết ly hôn thì mới được xác nhận độc thân. Bà M năn nỉ bà làm giấy xác nhận độc thân để buổi chiều bà được Ngân hàng giải ngân, bà không đồng ý. Sau đó, phía lãnh đạo cơ quan mời bà vào làm việc, nghe thông tin là phía Ngân

hàng có gọi điện thoại cho lãnh đạo là ông Cao Xuân Đ để kêu làm giấy độc thân cho bà M. Phía lãnh đạo là bà sao không làm cho bà M. Sau đó bà gọi điện thoại đến phòng Tư pháp huyện hỏi về trường hợp này, thì phía Phòng tư pháp không cho xác nhận tình trạng như vậy, nhưng do phía lãnh đạo chỉ đạo nên bà phải thực hiện theo là xác nhận tình trạng độc thân cho bà M, trong khi bà M chưa ly hôn. Phía lãnh đạo cũng chỉ đạo bà làm theo giống như trường hợp của anh Đ, bà làm trong tình trạng bị ép bà hoàn toàn không muốn. Về vụ án giữa ông Long với Ngân hàng bà không ý kiến, nhưng về xác nhận độc thân cho bà M là do có sự tham gia ý kiến của Ngân hàng với phía Lãnh đạo UBND xã Phú Hữu, sau đó lãnh đạo là ông Cao Xuân Đ mới chỉ đạo bà làm giấy đó cho bà M nên bà mới làm như vậy.

*Ông Cao Xuân Đ trình bày:* Nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân nên ông đã chỉ đạo phải làm cho dân chứ phần kiểm tra xác nhận phải do cán bộ chuyên môn kiểm tra xem xét, vì vậy đối với giấy xác nhận độc thân của bà M thì cán bộ chuyên môn phải chịu trách nhiệm. Phần ký giấy xác nhận cho bà M như vậy ông xác nhận Ủy ban nhân dân xã trong việc này là không đúng, ông xin nhận sai trong việc này. Trước đó do bà Nguyễn Thị Thu T phó Chủ tịch UBND xã Phú Hữu đã ký xác nhận giấy độc thân cho bà M nên ông dựa vào đó chỉ đạo rồi ký tiếp theo khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch. Còn việc tranh chấp giữa ông L và Ngân hàng BIDV ông không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 122, Điều 213, Điều 288, Điều 407, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; sửa đổi bổ sung 2017;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

- Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức Tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH về án phí, lệ phí

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L;

Tuyên bố hợp đồng thế chấp 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) và bà Võ Thị Tuyết M là vô hiệu, (do hợp đồng chính vô hiệu, nên văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2017/7436746/SĐBS cũng vô hiệu theo).

Hợp đồng vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, Ngân hàng trả lại cho các đồng thừa kế của bà Võ Thị Tuyết M gồm ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Diễm T, 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đồng thế chấp 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) và bà Võ Thị Tuyết M.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

Buộc thừa kế của bà Võ Thị Tuyết M là bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Diễm T liên đới trả số tiền vốn là 2.050.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 628.638.699 đồng và tiền lãi quá hạn 231.493.870 đồng; tổng cộng là 2.910.132.569 đồng (hai tỷ chín trăm mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng).

Ngoài ra, bà T và bà T còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 09/11/2021, bà T và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/7436746/HĐTD ngày 23/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Diễm T chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả lãi theo hợp đồng số 01/2017/7436746/HĐTD ngày 23/11/2017 của bà Võ Thị Tuyết M, trong phạm vi di sản của bà M để lại được xác định trong giai đoạn thi hành án.

Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bằng bất động sản bên thứ ba số 01/2016/9298566 /HĐBĐ ngày 29/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang với ông Võ Chí H, bên được bảo đảm là bà Võ Thị Tuyết M, tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06715, số phát hành CE160313 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 29/08/2016, diện tích đất 11.332 m<sup>2</sup> mang tên Võ Chí H để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng và án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/11/2021 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bắc An Giang có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 ký kết giữa Ngân hàng BIDV- Chi nhánh B A G và bà Võ Thị Tuyết M vô hiệu.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B A G yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 ký kết giữa NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang và bà Võ Thị Tuyết M để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp những người thừa kế của bà Võ Thị Tuyết M là bà Nguyễn Thị Diễm T, Nguyễn Thị Diễm T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng BIDV thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 gồm các tài sản sau:

1. GCNQSDĐ, QSHNƠ&TSK gắn liền với đất số CH02400pL, số phát hành BG746606 do UBND huyện An Phú cấp ngày 10/11/2021. Bà Võ Thị Tuyết M có đính chính lại số CMND được Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Phú xác nhận ngày 18/5/2016;

2. GCNQSDĐ số 00693 QSDĐ/bL, số phát hành U237730 do UBND huyện An Phú cấp ngày 24/05/2002;

3. GCNQSDĐ số 02468 QSDĐ/bL, số phát hành O918877, do UBND huyện An Phú cấp ngày 01/11/1999;

4. GCNQSDĐ, QSHNƠ&TSK gắn liền với đất số CS06716, số phát hành CE160341 do Sở TN&MT AG cấp ngày 29/08/2016;

5. GCNQSDĐ, QSHNƠ&TSK gắn liền với đất số CS06717, số phát hành CE160314 do Sở TN&MT tỉnh An Giang cấp ngày 29/08/2016;

6. GCNQSDĐ số H00673 QSDĐ dL, số phát hành AN034024 do UBND huyện An Phú cấp ngày 16/10/2008.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nợ của bên vay đối với Ngân hàng BIDV và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm. Trong trường hợp số tiền trên không đủ trả nợ cho NH và các chi phí có liên quan thì những người kế thừa của bà Võ Thị Tuyết M là bà Nguyễn Thị Diễm T, Nguyễn Thị Diễm T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV cho đến khi tất toán khoản vay.

- Yêu cầu xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) của UBND xã Phú Hữu huyện An Phú là đơn vị xác nhận tài sản riêng của bà M; Văn phòng công chứng Lâm Ngọc H là đơn vị công chứng việc thế chấp các quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ và Văn phòng đăng ký đất đai (VPDKĐĐ) chi nhánh An Phú là đơn vị thực hiện đăng ký tại Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ & tài sản gắn liền với đất ngày 09/11/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữa các đương sự không thỏa thuận được về nội dung vụ án.

Ngoài ra, bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã xem xét chưa thật sự toàn diện và đánh giá chưa khách quan về các chứng cứ, do đó Ngân hàng bổ sung yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án đưa ông Nguyễn Văn L chồng bà M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng BIDV, vì cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L cho rằng hợp đồng vô hiệu, buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; buộc ngân hàng BIDV trả cho ông L, bà T, bà T 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà không buộc các thừa kế của bà M trong đó có ông L hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng; hơn nữa BIDV chúng tôi có yêu cầu độc lập, yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là chưa đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, tại cấp sơ thẩm Ngân hàng không yêu cầu ông L trả nợ, hôm nay Ngân hàng bổ sung yêu cầu buộc ông L có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng vay là không có căn cứ; yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ông Đ trình bày:* Do công việc bận rộn, khi ký giấy xác nhận độc thân cho bà M ông không kiểm tra và xin nhận trách nhiệm về sai sót của ông; một phần cũng do trước đây, thấy những người đương nhiệm có ký giấy xác nhận độc thân cho bà M, vì bà M đã rất nhiều lần ký thủ tục vay ngân hàng như lần này, có sự tin tưởng nên ông cũng ký xác nhận mà không kiểm tra.

*Bà T trình bày:* Việc bà trình ký giấy xác nhận độc thân cho bà M là sai, nhưng trước khi trình ký, bà đã báo cáo sự việc với lãnh đạo đúng theo quy định, sau đó bà thực hiện đúng theo nội dung lãnh đạo chỉ đạo nên dẫn đến việc sai sót nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) trong thời hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí phúc theo quy định; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang; Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn L chồng bà M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm, do nghi ngờ về tình trạng tâm thần của ông Long, ngày 22/3/2022, ngân hàng BIDV có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông L trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và chữ ký tên trên giấy ủy quyền ngày 10/4/2018. Tòa án đã thu thập chữ ký và chữ viết của ông L để làm tài liệu mẫu so sánh và ban hành quyết định trưng cầu giám định số 22/2022/QĐ-TCGD ngày 18/4/2022.

Tại kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang ngày 17/5/2022, về đối tượng giám định: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Nguyễn Văn L” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1, A2) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 đến M7) có phải do cùng một người ký ra hay không. Như vậy không đủ cơ sở xác định việc ông L có ký tên yêu cầu khởi kiện và ký tên thực hiện việc ủy quyền cho đương sự; đồng thời căn cứ vào lời khai ban đầu của ông L là ông L không có khởi kiện ai và không có ủy quyền cho ai tham gia vụ kiện, cho thấy sự thống nhất trong lời khai và chứng cứ giám định, thể hiện việc khởi kiện vụ án ở đây là hoàn toàn không có. Vì vậy cần hủy án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bà Phạm Thị K, Nguyễn Thị Diễm T, Nguyễn Thị Diễm T, Võ Chí H, Phạm Trần Quốc Đ, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú, Văn phòng Công chứng Lâm Ngọc H (nay là Văn phòng công chứng Võ Duy T), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, thấy: Đại diện Ngân hàng BIDV đưa ra các yêu cầu;

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 ký kết giữa Ngân hàng BIDV- Chi nhánh B A G và bà Võ Thị Tuyết M vô hiệu.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B A G; yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 ký kết giữa NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B A G và bà Võ Thị Tuyết M để đảm bảo cho việc thi hành án; trường hợp những người thừa kế của bà Võ Thị Tuyết M là bà Nguyễn



Thị Diễm T, Nguyễn Thị Diễm T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng BIDV thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016, gồm các tài sản:

- GCNQSDĐ, QSHNƠ&TSK gắn liền với đất số CH02400pL, số phát hành BG 746606 do UBND huyện An Phú cấp ngày 10/11/2021. Bà Võ Thị Tuyết M có đính chính lại số CMND được Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Phú xác nhận ngày 18/5/2016;

- GCNQSDĐ số 00693 QSDĐ/bL, số phát hành U237730 do UBND huyện An Phú cấp ngày 24/05/2002;

- GCNQSDĐ số 02468 QSDĐ/bL, số phát hành O918877, do UBND huyện An Phú cấp ngày 01/11/1999;

- GCNQSDĐ, QSHNƠ&TSK gắn liền với đất số CS06716, số phát hành CE160341 do Sở TN&MT AG cấp ngày 29/08/2016;

- GCNQSDĐ, QSHNƠ&TSK gắn liền với đất số CS 06717, số phát hành CE 160314 do Sở TN&MT tỉnh An Giang cấp ngày 29/08/2016;

- GCNQSDĐ số H00673 QSDĐ dL, số phát hành AN034024 do UBND huyện An Phú cấp ngày 16/10/2008.

[2.3] Yêu cầu xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) của UBND xã Phú Hữu huyện An Phú là đơn vị xác nhận tài sản riêng của bà M; Văn phòng công chứng Lâm Ngọc H là đơn vị công chứng việc thế chấp các quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ và Văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) chi nhánh An Phú là đơn vị thực hiện đăng ký tại Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ & tài sản gắn liền với đất ngày 09/11/2016.

Xét về các yêu cầu nêu trên của ngân hàng BIDV là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; Ngân hàng BIDV chỉ cho cá nhân bà Võ Thị Tuyết M vay và đã thực hiện ký hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 trong khi ông Nguyễn Văn L là vợ chồng hợp pháp với bà M, ông L là người đứng tên chủ hộ trong hộ khẩu gia đình, nhưng không ký tên trên hợp đồng vay; cấp sơ thẩm nhận định tất cả các tài sản là đất theo 06 GCN.QSDĐ nêu trên là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị Thuyết M, Ngân hàng không có chứng cứ chứng minh hay xác nhận đây là tài sản riêng của bà M; theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình “*Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*”; “*Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để đảm bảo nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng*”. Bộ luật dân sự quy định tại Điều 213 “*Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia*”. “*Vợ chồng cùng tạo lập, phát triển khối tài sản chung; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản*”.

chung”. Ngân hàng BIDV ký hợp đồng vay và thế chấp tài sản của bà M, không xem xét đây là tài sản chung hay riêng của bà M, mà chỉ riêng bà M ký hợp đồng thế chấp là không đúng quy định. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 ký kết giữa Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B A G và bà Võ Thị Tuyết M vô hiệu là có căn cứ.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, trong đó Ngân hàng BIDV trả lại cho các đồng thừa kế bà M gồm ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Diễm T 06 (sáu) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên; các thừa kế của bà M chỉ có bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Diễm T có nghĩa vụ liên đới trả cho NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tiền vốn 2.050.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 628.638.699 đồng và tiền lãi suất quá hạn 231.493.870 đồng, tổng cộng: 2.910.132.56 đồng. Ngân hàng BIDV không yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả nợ, nhưng hợp đồng vay thế chấp 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ hộ khẩu do ông L đứng tên chủ hộ và các tài sản là quyền sử dụng đất mà bà M thế chấp, trong đó có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông L; cấp sơ thẩm tuyên trả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thừa kế của bà M nhưng không đưa ông Nguyễn Văn L vào tham gia tố tụng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M để thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản thừa kế đối với ngân hàng BIDV là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là không giải quyết triệt để vụ án, chưa đảm bảo quyền, nghĩa vụ các đương sự, là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Mặt khác, khi cấp sơ thẩm nhập vụ án và đưa ngân hàng BIDV tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, thì chỉ có yêu cầu phản tố hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ với nguyên đơn, không còn tư cách là người yêu cầu khởi kiện như cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định; cần xem xét cụ thể yêu cầu của đương sự trong vụ án để giải quyết triệt để vấn đề mà không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Ngân hàng BIDV có yêu cầu cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 ký kết giữa NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B A G và bà Võ Thị Tuyết M để đảm bảo cho việc thi hành án; cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng BIDV buộc bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Diễm T có nghĩa vụ liên đới trả cho NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tiền vốn 2.050.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 628.638.699 đồng và tiền lãi suất quá hạn 231.493.870 đồng, tổng cộng: 2.910.132.56 đồng là có căn cứ. Nhưng cấp sơ thẩm không xem xét quyết định có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng BIDV về việc tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: 01/2016/7436746/HĐBĐ ngày 08/11/2016 hay không là thiếu sót; vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

[3.1] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng; về nội dung chưa xem xét yêu cầu độc lập của ngân hàng BIDV, các thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể

khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

[3.2] Quá trình tố tụng ở cấp phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có đơn đề nghị Tòa án yêu cầu cho giám định chữ ký, chữ viết của ông L, vì theo Ngân hàng biên bản lấy lời khai ông L ngày 21/8/2019 so với đơn khởi kiện và giấy ủy quyền ngày 13/8/018 có sự khác biệt, không trùng khớp. Tại kết quả giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang ngày 17/5/2022 kết luận về đối tượng giám định: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Nguyễn Văn L” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1, A2) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 đến M7) có phải do cùng một người ký ra hay không.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

[4.1] Chi phí giám định 1.200.000 đồng theo phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định viên của Phòng kỹ thuật hình sự, ngân hàng BIDV đã tạm ứng trước, sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án.

[4.2] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án.

[4.3] Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006641 ngày 29/11/2021 Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 228/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện An Phú để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án giải quyết.

- Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006641 ngày 29/11/2021 Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THA-DS An Phú;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Hải**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

**Nguyễn Hoàng Thám**

**Trần Minh Hải**



